

PHỤ LỤC  
V/v các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ ITD theo Luật Doanh nghiệp năm 2020

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển kỹ thuật và Đầu tư (ITD) xin báo cáo ĐHCĐ các nội dung dự kiến cần sửa đổi, bổ sung Điều lệ ITD theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, với các nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Lưu ý trong bản so sánh:

- Gạch ngang: được lược bỏ trong điều lệ mới (phần tô màu vàng);
- In nghiêng: được bổ sung và/hoặc sửa đổi trong điều lệ mới (phần chữ đỏ, tô màu xanh).

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật và Đầu tư (<del>được-cổ-phần hoá từ Công ty Phát triển kỹ thuật và Đầu tư thuộc Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (IMI-holding)</del> <b>Bộ Công Thương, dưới đây gọi là Công ty</b>), được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều lệ, các Quy định của Công ty, các Nghị quyết của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một Quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy định ràng buộc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>Bản Điều lệ sửa đổi này gồm 12 Chương và 75 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và chấp thuận toàn bộ ngày 15 tháng 04 năm 2016.</p>	<p>Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty <b>Cổ phần Phát triển kỹ thuật và Đầu tư (dưới đây gọi tắt là Công ty)</b>, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều lệ, các Quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>Bản Điều lệ sửa đổi này gồm 12 Chương và 75 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và chấp thuận toàn bộ ngày 15 tháng 04 năm 2016.</p>	<p>Hiệu chỉnh và cập nhật căn cứ sửa đổi phù hợp.</p>	



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p><b>Điều 1. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ có nghĩa như giải thích dưới đây:</p> <p>a. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005;</p> <p>Diêm h.</p> <p>Không có</p>	<p><b>Điều 1. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ có nghĩa như giải thích dưới đây:</p> <p>a. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>h. "Người có quan hệ gia đình" là cá nhân được quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Bổ sung làm rõ</p>	<p>Cập nhật tham chiếu Luật DN 2020</p>
<p><b>Điều 6. Người đại diện theo pháp luật.</b></p> <p>Khoản 2.</p> <p>Không có</p>	<p><b>Điều 6. Người đại diện theo pháp luật.</b></p> <p>2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp, các quy định của Pháp luật liên quan và quy định của Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung quy định về người đại diện theo pháp luật.</p>	<p>Khoản 2 Điều 24 Luật DN 2020</p>
<p><b>Điều 15. Chào bán cổ phần.</b></p> <p>1. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu.</p>	<p><b>Điều 15. Chào bán cổ phần.</b></p> <p>1. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu.</p>	<p>Lược bỏ theo quy định Pháp luật.</p>	<p>Khoản 3 Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p><b>Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần.</b></p> <p>1. Trong vòng 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Sau thời hạn ba năm quy định ở trên, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.</p>	<p><b>Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần.</b></p> <p><i>Khoản 1. Lược bỏ</i></p>	<p>Lược bỏ phù hợp thực tế của ITD và phù hợp theo quy định Pháp luật.</p>	
<p><b>Điều 21. Thu hồi cổ phần.</b></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p><b>Điều 21. Thu hồi cổ phần.</b></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty thu hồi trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thu hồi.</p>	<p>Sửa và bổ sung theo quy định Pháp luật.</p>	<p>Khoản 3 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2020</p>



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p><b>Điều 25. Quyền của cổ đông.</b></p> <p>1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau.</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>Điểm e.</p> <p>Không có</p>	<p><b>Điều 25. Quyền của cổ đông.</b></p> <p>1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau.</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>e. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Hiệu chỉnh và cập nhật căn cứ sửa đổi phù hợp.</p>	<p>Tham chiếu Khoản 2 Điều 115 Luật DN năm 2020</p>
<p><b>Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông.</b></p> <p>9. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước ngày cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.</p>	<p><b>Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông.</b></p> <p>8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>9. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Lược bỏ nội dung không còn phù hợp và Bổ sung theo quy định.</p>	<p>Tham chiếu Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020</p>



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p><b>Điều 27. Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <del>Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</del></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp sau:</p> <p>e. <del>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</del></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng cổ đông quản trị hoặc Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại các Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <del>Khoản 3 Điều 140</del> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <del>Khoản 4 Điều 140</del> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 27. Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <del>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</del></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. <del>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</del></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại các Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <del>Khoản 3 Điều 140</del> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <del>Khoản 4 Điều 140</del> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ quy định đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.</p> <p>Bổ sung cho phù hợp</p> <p>Cập nhật căn cứ pháp.</p> <p>Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020</p>	<p>Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020</p>



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p><del>hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo</del>; thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <del>Khoản 6 Điều 136</del> Luật Doanh nghiệp.</p> <p><b>Điều 28. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty và các chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p>	<p><b>Điều 28. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>e. Mức cổ tức hàng năm đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. <del>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập</del>; lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, bất miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty và các chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o) <del>Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị Công ty; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</del></p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p>	<p><del>Bổ sung, sửa đổi cho phù hợp</del></p>	<p><del>Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020</del></p>
<p><b>Điều 29. Các đại diện được ủy quyền.</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo <del>mẫu của Công ty</del> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p><b>Điều 29. Các đại diện được ủy quyền.</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p><del>Bổ sung, sửa đổi cho phù hợp</del></p>	<p><del>Khoản 2 Điều 144 Luật DN 2020</del></p>
<p><b>Điều 31. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 31. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>		



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm; 4. không có. 5. không có.</p>	<p>a. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm; 4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. 5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>		
<p><b>Điều 35. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b> 6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;</p>	<p><b>Điều 35. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</b> 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp</p>	<p>Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 36. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</b> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p><b>Điều 36. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</b> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp</p>	<p>Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 37. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b> 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p><b>Điều 37. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b> 2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ nội dung trùng lặp</p>	



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p><b>Điều 38. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p><b>Điều 38. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục <i>trình tập hợp</i> và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp</p>	<p>Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 39. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</b></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <del>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</del> có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p>	<p><b>Điều 39. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</b></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <i>của Công ty</i> có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p>	<p>Bổ sung quy định trong Điều lệ phù hợp theo quy định pháp luật.</p>	
<p><b>Điều 40. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.</b></p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và <del>xác định mức cổ tức tạm ứng</del>; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <del>Khoản 2 Điều 149</del> Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <del>Khoản 3 Điều 162</del> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p>	<p><b>Điều 40. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.</b></p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>k) <i>Trình báo cáo tài chính hằng năm đã kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông</i>; đề xuất mức cổ tức hàng năm và tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <i>Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</i> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p> <p>e) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp</p> <p>Cập nhật căn cứ pháp luật.</p>	



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>e. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, <del>Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm m Khoản 2 Điều 28, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 55 Điều lệ này;</del></p>	<p>trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, <i>trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm m Khoản 2 Điều 28, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 55 Điều lệ này;</i></p>		
<p><b>Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <del>khoản 2 Điều 17</del> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được là <del>người có quan hệ họ hàng, cha, mẹ, con, em ruột, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu</del> của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty;</p>	<p><b>Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <i>khoản 2 Điều 17</i> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được là <i>người có quan hệ gia đình</i> của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty.</p>	<p>Cập nhật căn cứ pháp luật và hiệu chỉnh phù hợp</p>	
<p><b>Điều 43. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</b></p> <p>8. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.</p>	<p><b>Điều 43. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</b></p> <p>8. <i>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</i></p> <p>a. <i>Cuộc họp lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</i></p> <p>b. <i>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i></p> <p>c. <i>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</i></p> <p>(i) <i>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i></p> <p>(ii) <i>Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại điểm a, điểm e khoản 8 Điều này;</i></p> <p>(iii) <i>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện</i></p>	<p>Cập nhật, bổ sung, sửa đổi theo quy định pháp luật.</p>	<p>Khoản 9 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020</p>



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức <del>nghe-sự</del> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>.....</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp <del>qua điện thoại</del> được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p>từ hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>(iv) <i>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</i></p> <p>d. <i>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i></p> <p>e. <i>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</i></p> <p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức <i>trực tuyến (online)</i> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>.....</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp <i>trực tuyến (online)</i> được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản <i>và/hoặc được ghi âm tại cuộc họp</i> của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p><b>Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.</b></p> <p>2. Quyết định <i>hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh phải có quyết định của HĐQT và/hoặc ĐHĐCĐ Công ty;</i> các vấn đề khác không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>9. <i>Kiểm nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</i></p>	<p>Bổ sung nội dung cho phù hợp</p> <p>Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 49. Thành viên và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.</b></p>	<p><b>Điều 49. Thành viên và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.</b></p>		



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>3. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là <del>kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty</del>. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>.....</p> <p>4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <del>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</del> có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 30% được đề cử đủ số ứng viên theo số lượng nêu tại Khoản 1 Điều này.</p>	<p>3. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có <u>bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty</u>. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>.....</p> <p>4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <u>của Công ty</u> có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 30% được đề cử đủ số ứng viên theo số lượng nêu tại Khoản 1 Điều này.</p>	<p>Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp</p>	<p>Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên.</b></p> <p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị <del>cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp</del>.</p> <p>b. Không phải là <del>vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột</del> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</p>	<p><b>Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên.</b></p> <p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng <u>quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>b. <u>Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Công ty</u>;</p> <p>c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</p>	<p>Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp</p>	<p>Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 51. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.</b></p> <p>1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <del>Điều 165</del> của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>d. <del>Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</del>;</p>	<p><b>Điều 51. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.</b></p> <p>1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 170 của Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>d. <u>Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp</u></p>	<p>Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp</p>	<p>Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020</p>



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p>đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</p>		
<p><b>Điều 66. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.</b></p> <p>1. Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ như sau:</p> <p>— Trích 5% để lập Quỹ dự phòng tài chính cho đến mức bằng 10% vốn Điều lệ.</p> <p>— Việc trích tỷ lệ phần trăm (%) cho các Quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất và các Quỹ khác do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm và theo quy định Pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 66. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế được giữ lại của Công ty, theo nguyên tắc và thứ tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.</li><li>- Trích tối đa 20% vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty theo nội dung khoản 2 Điều này.</li><li>- Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong Công ty, quỹ thưởng người quản lý, điều hành Công ty;</li><li>- Chia cổ tức cho các cổ đông Công ty.</li><li>- Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau (nếu cần thiết);</li></ul> <p>2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển Công ty; đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng lực và điều kiện làm việc trong Công ty;</p> <p>HĐQT Công ty phải xây dựng và ban hành quy định cụ thể để sử dụng quỹ đầu tư phát triển đúng mục đích để phát triển Công ty.</p>		



Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p><b>Điều 67. Cổ tức.</b></p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông, căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p><b>Điều 67. Cổ tức.</b></p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>		
<p><b>Điều 75. Hiệu lực và đăng ký điều lệ.</b></p> <p>1. Bản Điều lệ sửa đổi này gồm 12 Chương, 73 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư nhất trí thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2016, tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 75. Hiệu lực và đăng ký điều lệ.</b></p> <p>1. Bản Điều lệ sửa đổi này gồm 12 Chương, 73 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư nhất trí thông qua ngày 31 tháng 05 năm 2022, tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Cập nhật ngày ĐHCĐ thông qua Điều lệ sửa đổi.</p>	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

*Trân trọng cảm ơn!*

Nơi gửi:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS; BGD;
- Lưu HHS

